

Bản án số: 05/2022/KDTM-ST

Ngày 15-9-2022

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ VANG - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Văn Truyện

Ông Tân Nghị

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Vang: Ông Nguyễn Văn Nghiệp
- Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý 16/2021/TLST-KDTM ngày 30 tháng 11 năm 2021 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2022/QĐST-KDTM ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q

Địa chỉ: Số T, phường B, quận Hoàn K, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị H – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương N, sinh năm 1994 hoặc ông Dương V, sinh năm 1990 hoặc ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1990 đều là Chuyên viên xử lý nợ của ngân hàng; cùng địa chỉ: Số 516, phường Khuê T, quận Cẩm L, TP.Đà Nẵng (theo các Giấy ủy quyền số 96/2021/UQ-CTHĐQT ngày 01/10/2021, số 517/2021/UQ-NCB ngày 17/11/2021, Giấy ủy quyền thay thế là số 18/2022/UQ-CTHĐQT ngày 19/4/2022 và số 249/2022/UQ-NCB.2 ngày 01/7/2022); ông N có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH xây dựng và thương mại V; địa chỉ: Thôn 1, xã N, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị H – Chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ bà H cư trú: Số 107, phường Khuê T, quận Cẩm L, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn 1, xã Hòa K, huyện Hòa V, TP.Đà Nẵng (theo Giấy ủy quyền số 12/2022/GUQ ngày 15/9/2022 của Công ty TNHH xây dựng và thương mại V); bà H1 có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q, ông Trương N trình bày:

Ngân hàng TMCP Q (sau đây viết tắt: NCB) – Chi nhánh Đà Nẵng và Công ty TNHH Xây Dựng và Thương Mại V (sau đây viết tắt: Công ty V) có ký kết các Hợp đồng tín dụng với nội dung cụ thể như sau:

STT	Hợp đồng tín dụng số:	Ngày giải ngân	Thời hạn vay (tháng)	Số tiền giải ngân (đồng)	Lãi suất
1	010/17/HĐCV-9226 ngày 03/4/2017	04/04/2017	60	5.000.000.000	9%/năm trong 12 tháng đầu tiên, sau đó bằng lãi suất tham chiếu + biên độ 3%/năm
2	012/17/HĐCV-9226 ngày 16/6/2017	17/6/2017	60	2.000.000.000	11.5%/năm trong 12 tháng đầu tiên, sau đó bằng lãi suất tham chiếu + biên độ 3,5%/năm
		22/06/2017	60	3.000.000.000	11.5%/năm trong 12 tháng đầu tiên, sau đó bằng lãi suất tham chiếu + biên độ 3,5%/năm
3	020/18/HĐCV-9226 ngày 26/4/2018	27/04/2018	48	350.000.000	12.5%/năm trong 03 tháng đầu, sau đó bằng lãi suất cơ sở + biên độ 3%/năm
TỔNG CỘNG				10.350.000.000	

Tổng số tiền cho vay: 10.350.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng*); Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô tải, xe ô tô xitec phục vụ kinh doanh;

Lãi suất trong hạn: theo thỏa thuận tại từng Hợp đồng và khế ước nhận nợ.

Lãi quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn, được áp dụng với nợ gốc quá hạn (bao gồm cả nợ gốc quá hạn trong trường hợp phải trả nợ trước hạn);

Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên, Công ty V đã ký các Hợp đồng thế chấp tài sản và thế chấp các tài sản cụ thể như sau:

STT	Hợp đồng cho vay	Hợp đồng thế chấp	Tài sản bảo đảm
-----	------------------	-------------------	-----------------

1	010/17/HĐCV-9226 ngày 03/4/2017	004/17/HĐTC/106-86 ngày 03/4/2017	<p>TS1: xe ô tô tải nhãn hiệu SHACMAN, trọng tải: 17.000 kg; số khung: HR68FX037371; số máy: 21615K067636 mang BKS số 43C-147.31 theo GCN đăng ký ô tô số 035387 do Phòng CSGT Công an Đà Nẵng cấp ngày 20/3/2017 cho Công ty V</p> <p>TS2: xe ô tô tải nhãn hiệu SHACMAN, trọng tải: 17.000 kg; số khung: HR61FX037020; số máy: 21615K069084; số máy: HR61FX037020 mang BKS số 43C-148.97 theo GCN đăng ký ô tô số 035383 do Phòng CSGT Công an Đà Nẵng cấp ngày 20/3/2017 cho Công ty V</p> <p>TS3: xe ô tô tải nhãn hiệu SHACMAN, trọng tải: 17.000 kg; số khung: HR62FX037365; số máy: 21615K069042 mang BKS số 43C-148.81 theo GCN đăng ký ô tô số 035392 do Phòng CSGT Công an Đà Nẵng cấp ngày 20/3/2017 cho Công ty V</p> <p>TS4: xe ô tô tải nhãn hiệu SHACMAN, trọng tải: 17.000 kg; số khung: HR66FX037398; số máy: 21615H050904 mang BKS số 43C-148.66 theo GCN đăng ký ô tô số 035389 do Phòng CSGT Công an Đà Nẵng cấp ngày 20/3/2017 cho Công ty V</p> <p>TS5: xe ô tô tải nhãn hiệu SHACMAN, trọng tải: 17.000 kg; số khung: HR69FX037377; số máy: 21615K067873 mang BKS số 43C-148.30 theo GCN đăng ký ô tô số 035382 do Phòng CSGT Công an Đà Nẵng cấp ngày 20/3/2017 cho Công ty V</p>
2	012/17/HĐCV-9226 ngày 16/6/2017	007/17/HĐTC-9226 ngày 16/6/2017	<p>TS6: xe ô tô tải nhãn hiệu CNHTC. Trọng tải: 16720 kg, số khung: XSA4GN127532; số máy: 160307030987 mang BKS số: 43C – 156.48 theo GCN đăng ký ô tô số 038184 do Phòng CSGT Công an Đà Nẵng cấp ngày 19/05/2017 cấp cho Công ty V</p> <p>TS7: xe ô tô tải nhãn hiệu CNHTC. Trọng tải: 16720 kg, số khung: XSA4GN127529; số máy: 160407014187 mang BKS số: 43C – 155.62 theo GCN đăng ký ô tô số 038179 do Phòng CSGT Công an Đà Nẵng cấp ngày 19/05/2017 cấp cho Công ty V</p> <p>TS8: xe ô tô tải nhãn hiệu CNHTC. Trọng tải: 16720 kg, số khung: XSA7GN127525; số máy: 160307030777 mang BKS số: 43C – 158.95 theo GCN đăng ký ô tô số 039167 do Phòng CSGT Công an Đà Nẵng cấp ngày 09/6/2017 cấp cho Công ty V</p> <p>TS9: xe ô tô tải nhãn hiệu CNHTC. Trọng tải: 16720 kg, số khung: XSA1GN127522; số máy: 160307034577 mang BKS số: 43C – 158.79 theo GCN đăng ký ô tô số 039168 do Phòng CSGT Công an Đà Nẵng cấp ngày 09/6/2017 cấp cho Công ty V</p> <p>TS10: xe ô tô tải nhãn hiệu CNHTC. Trọng tải: 16720 kg, số khung: XSAXGN127518; số máy: 160307034367 mang BKS số: 43C – 158.56 theo GCN đăng ký ô tô số 039160 do Phòng CSGT Công an Đà Nẵng cấp ngày 09/6/2017 cấp cho Công ty V</p>
3	020/18/HĐCV-9226 ngày 26/4/2018	010/18/HĐTC-9226 ngày 26/04/2018	<p>TS11: xe ô tô tải XITEC nhãn hiệu DONGFENG, dung tích: 5900 cm³; sản xuất: 2017; số khung: GLAX2B130H6289044; số máy: 903378600990 mang BKS số: 43C - 183.29 theo Giấy chứng nhận đăng ký ô tô số 053857 do Phòng CSGT Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 18/04/2018 cấp cho Công ty V</p>

Các Hợp đồng thế chấp đã được ký kết, công chứng đầy đủ và các tài sản thế chấp nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật.

Tính đến ngày 15/9/2022, Công ty V đã trả cho NCB tổng số tiền là 7.156.014.869đ (*bảy tỷ, một trăm năm mươi sáu triệu, không trăm mười bốn nghìn, tám trăm sáu mươi chín đồng*); trong đó: trả gốc là 5.050.461.059 đồng, trả lãi là 2.105.553.810 đồng.

Quá trình thực hiện các Hợp đồng trên, Công ty V đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ các Hợp đồng tín dụng đã ký với NCB kể từ ngày 25/11/2020. NCB đã đôn đốc, gửi thông báo đến Công ty V yêu cầu trả nợ hoặc bàn giao tài sản để NCB xử lý thu hồi nợ. Tuy nhiên, Công ty V vẫn không hợp tác. Đến nay đã hết hạn cả 03 hợp đồng tín dụng nêu trên.

Tính đến ngày 15/9/2022, Công ty V còn nợ NCB tổng số tiền theo các Hợp đồng nêu trên là: 7.924.026.356đ (*bảy tỷ, chín trăm hai mươi bốn triệu, không trăm hai sáu ngàn, ba trăm năm sáu đồng*).

Nay, Ngân hàng TMCP Q khởi kiện Công ty V, yêu cầu Công ty V phải thanh toán số tiền vay bao gồm cả gốc và lãi tính đến ngày 15/9/2022 là 7.924.026.356đ (*bảy tỷ, chín trăm hai mươi bốn triệu, không trăm hai sáu ngàn, ba trăm năm sáu đồng*); trong đó, tiền gốc là 5.299.538.941 đồng, nợ lãi 870.315.010 đồng, nợ lãi quá hạn 1.754.172.405 đồng cho Ngân hàng TMCP Q.

Trường hợp Công ty TNHH xây dựng và thương mại V không thực hiện việc trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Q đề nghị Tòa án tuyên phát mãi tài sản bảo đảm bao gồm:

Xe ô tô tải nhãn hiệu SHACMAN, trọng tải: 17.000 kg; số khung: HR68FX037371; số máy: 21615K067636 mang BKS số 43C-147.31 theo GCN đăng ký ô tô số 035387 do Phòng CSGT Công an Đà Nẵng cấp ngày 20/3/2017 cho Công ty V;

Xe ô tô tải nhãn hiệu SHACMAN, trọng tải: 17.000 kg; số khung: HR61FX037020; số máy: 21615K069084; số máy: HR61FX037020 mang BKS số 43C-148.97 theo GCN đăng ký ô tô số 035383 do Phòng CSGT Công an Đà Nẵng cấp ngày 20/3/2017 cho Công ty V;

Xe ô tô tải nhãn hiệu SHACMAN, trọng tải: 17.000 kg; số khung: HR62FX037365; số máy: 21615K069042 mang BKS số 43C-148.81 theo GCN đăng ký ô tô số 035392 do Phòng CSGT Công an Đà Nẵng cấp ngày 20/3/2017 cho Công ty V;

Xe ô tô tải nhãn hiệu SHACMAN, trọng tải: 17.000 kg; số khung: HR66FX037398; số máy: 21615H050904 mang BKS số 43C-148.66 theo GCN đăng ký ô tô số 035389 do Phòng CSGT Công an Đà Nẵng cấp ngày 20/3/2017 cho Công ty V;

Xe ô tô tải nhãn hiệu SHACMAN, trọng tải: 17.000 kg; số khung: HR69FX037377; số máy: 21615K067873 mang BKS số 43C-148.30 theo GCN đăng ký ô tô số 035382 do Phòng CSGT Công an Đà Nẵng cấp ngày 20/3/2017 cho Công ty V;

Xe ô tô tải nhãn hiệu CNHTC. Trọng tải: 16720 kg, số khung: XSA4GN127532; số máy: 160307030987 mang BKS số: 43C – 156.48 theo GCN đăng ký ô tô số 038184 do Phòng CSGT Công an Đà Nẵng cấp ngày 19/05/2017 cấp cho Công ty V;

Xe ô tô tải nhãn hiệu CNHTC. Trọng tải: 16720 kg, số khung: XSA4GN127529; số máy: 160407014187 mang BKS số: 43C – 155.62 theo GCN đăng ký ô tô số 038179 do Phòng CSGT Công an Đà Nẵng cấp ngày 19/05/2017 cấp cho Công ty V;

Xe ô tô tải nhãn hiệu CNHTC. Trọng tải: 16720 kg, số khung: XSA7GN127525; số máy: 160307030777 mang BKS số: 43C – 158.95 theo GCN đăng ký ô tô số 039167 do Phòng CSGT Công an Đà Nẵng cấp ngày 09/6/2017 cấp cho Công ty V;

Xe ô tô tải nhãn hiệu CNHTC. Trọng tải: 16720 kg, số khung: XSA1GN127522; số máy: 160307034577 mang BKS số: 43C – 158.79 theo GCN đăng ký ô tô số 039168 do Phòng CSGT Công an Đà Nẵng cấp ngày 09/6/2017 cấp cho Công ty V;

Xe ô tô tải nhãn hiệu CNHTC. Trọng tải: 16720 kg, số khung: XSAXGN127518; số máy: 160307034367 mang BKS số: 43C – 158.56 theo GCN đăng ký ô tô số 039160 do Phòng CSGT Công an Đà Nẵng cấp ngày 09/6/2017 cấp cho Công ty V;

Xe ô tô tải XITEC nhãn hiệu DONGFENG, dung tích: 5900 cm³; sản xuất: 2017; số khung: GLAX2B130H6289044; số máy: 903378600990 mang BKS số: 43C - 183.29 theo Giấy chứng nhận đăng ký ô tô số 053857 do Phòng CSGT Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 18/04/2018 cấp cho Công ty V.

Đề thu hồi nợ cho Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ quá trình phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thu hồi nợ, Công ty V phải tiếp tục thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP Q theo các hợp đồng cho vay và các khế ước nhận nợ đã ký.

Tại bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH xây dựng và thương mại V, bà Nguyễn Thị Thu H1 trình bày:

Công ty TNHH xây dựng và thương mại V xác định đã ký với Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Đà Nẵng các hợp đồng tín dụng và ký các Hợp đồng thế chấp tài sản như đại diện ngân hàng trình bày là đúng. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, tính đến ngày 15/9/2022 Công ty V mới trả cho NCB tổng số tiền là 7.156.014.869đ (*bảy tỷ, một trăm năm mươi sáu triệu, không trăm mười bốn nghìn, tám trăm sáu mươi chín đồng*); trong đó: trả gốc là 5.050.461.059 đồng, trả lãi là 2.105.553.810 đồng. Đồng thời, xác định đến ngày 15/9/2022 còn nợ Ngân hàng TMCP Q số tiền 7.924.026.356đ (*bảy tỷ, chín trăm hai mươi bốn triệu, không trăm hai sáu ngàn, ba trăm năm sáu đồng*); trong đó, tiền gốc là 5.299.538.941 đồng, nợ lãi 870.315.010 đồng, nợ lãi quá hạn 1.754.172.405 đồng. Hiện xác định cả ba hợp đồng tín dụng trên đều đã hết hạn. Nay Ngân hàng TMCP Q khởi kiện đề nghị Công ty TNHH xây dựng và thương mại V thanh toán số tiền 7.924.026.356đ (*bảy tỷ, chín trăm hai mươi bốn triệu, không trăm hai sáu ngàn, ba trăm năm sáu đồng*) thì Công ty V đồng ý trả, nhưng do doanh nghiệp đang gặp khó khăn nên đề nghị Ngân hàng TMCP Q tạo điều kiện cho Công ty TNHH xây dựng và thương mại V trả nợ và nhận lại tài sản bảo đảm theo các phương án sau:

Xin Ngân hàng TMCP Q cho Công ty TNHH xây dựng và thương mại V trả nợ theo 03 kỳ, cụ thể như sau:

- Kỳ 1: Từ ngày 01/10/2022 đến ngày 31/12/2022 trả số tiền số tiền 2.500.000.000đ (hai tỷ năm trăm triệu đồng) đến 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng) và nhận lại 04 tài sản bảo đảm.

- Kỳ 2: Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/3/2023 trả số tiền số tiền 2.500.000.000đ (hai tỷ năm trăm triệu đồng) và nhận lại 03 tài sản bảo đảm.

- Kỳ 3: Từ ngày 01/4/2023 đến ngày 30/6/2023 trả số tiền còn lại và tiền lãi phát sinh, xin nhận lại 04 tài sản bảo đảm.

Tiền án phí và tiền xem xét thẩm định tại chỗ, Công ty TNHH xây dựng và thương mại V xin tự nguyện chịu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn và bị đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án bình thường.

Về nội dung:

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 280, Điều 299, Điều 301, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q đối với Công ty TNHH xây dựng và thương mại V.

Buộc Công ty TNHH xây dựng và thương mại V phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 7.924.026.356đ (*bảy tỷ, chín trăm hai mươi bốn triệu, không trăm hai sáu ngàn, ba trăm năm sáu đồng*); trong đó, tiền gốc là 5.299.538.941 đồng, nợ lãi 870.315.010 đồng, nợ lãi quá hạn 1.754.172.405 đồng.

Án phí sơ thẩm: Công ty TNHH xây dựng và thương mại V xin tự nguyện chịu nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm cho Ngân hàng TMCP Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngân hàng TMCP Q khởi kiện Công ty TNHH xây dựng và thương mại V; địa chỉ trụ sở tại: Thôn Phú Hòa 1, xã N, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ liên lạc: Số 107 Hoàng Dư K, phường Khuê T, quận Cẩm L, thành phố Đà Nẵng về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” tại Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, TP.

Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 30, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, ngày 15/8/2022 đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH xây dựng và thương mại V đề nghị Hội đồng xét xử chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân quận Cẩm L, TP.Đà Nẵng để giải quyết với lý do Công ty đã chuyển về địa chỉ mới số 37 Đinh Châu, phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm L, TP.Đà Nẵng; người đại diện theo pháp luật sinh sống tại Số 107 Hoàng Dư K, phường Khuê T, quận Cẩm L, thành phố Đà Nẵng.

Hội đồng xét xử xét thấy, Công ty TNHH xây dựng và thương mại V có đăng ký hoạt động tại: Thôn Phú Hòa 1, xã N, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Tòa án đã tổng đạt được các thông báo, quyết định cho đại diện Công ty TNHH xây dựng và thương mại V; trong các văn bản của Công ty TNHH xây dựng và thương mại V gửi cho Tòa án trước ngày 15/8/2022 đều xác định địa chỉ của Công ty là Thôn Phú Hòa 1, xã N, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng nên Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Việc Công ty TNHH xây dựng và thương mại V đề nghị chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân quận Cẩm L, TP.Đà Nẵng để giải quyết nhằm kéo dài thời gian vụ án và trì hoãn nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngân hàng TMCP Q (viết tắt: NCB) – Chi nhánh Đà Nẵng và Công ty TNHH Xây Dựng và Thương Mại V (Công ty V) có ký kết các Hợp đồng tín dụng (Hợp đồng cho vay) với nội dung cụ thể như sau:

STT	Hợp đồng tín dụng số:	Ngày giải ngân	Thời hạn vay (tháng)	Số tiền giải ngân (đồng)	Lãi suất
1	010/17/HĐCV-9226 ngày 03/4/2017	04/04/2017	60	5.000.000.000	9%/năm trong 12 tháng đầu tiên, sau đó bằng lãi suất tham chiếu + biên độ 3%/năm
2	012/17/HĐCV-9226 ngày 16/6/2017	17/6/2017	60	2.000.000.000	11.5%/năm trong 12 tháng đầu tiên, sau đó bằng lãi suất tham chiếu + biên độ 3,5%/năm
		22/06/2017	60	3.000.000.000	11.5%/năm trong 12 tháng đầu tiên, sau đó bằng lãi suất tham chiếu + biên độ 3,5%/năm
3	020/18/HĐCV-9226 ngày 26/4/2018	27/04/2018	48	350.000.000	12.5%/năm trong 03 tháng đầu, sau đó bằng lãi suất cơ sở + biên độ 3%/năm
TỔNG CỘNG				10.350.000.000	

Tổng số tiền cho vay: 10.350.000.000đ (Mười tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng); Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô tải, xe ô tô xitec phục vụ kinh doanh; Lãi suất trong hạn: theo thỏa thuận tại từng Hợp đồng và khế ước nhận nợ. Lãi quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn, được áp dụng với nợ gốc quá hạn (bao gồm cả nợ gốc quá hạn trong trường hợp phải trả nợ trước hạn);

Quá trình thực hiện các Hợp đồng trên, Công ty V đã vi phạm nghiêm trọng

nghĩa vụ trả nợ các Hợp đồng tín dụng đã ký với NCB kể từ ngày 25/11/2020. NCB đã đơn đốc, gửi thông báo đến Công ty V yêu cầu trả nợ hoặc bàn giao tài sản để NCB xử lý thu hồi nợ. Tuy nhiên, Công ty V vẫn không hợp tác.

Tính đến ngày 15/9/2022, Công ty V mới trả cho NCB tổng số tiền là 7.156.014.869đ (*bảy tỷ, một trăm năm mươi sáu triệu, không trăm mười bốn nghìn, tám trăm sáu mươi chín đồng*); trong đó: trả gốc là 5.050.461.059 đồng, trả lãi là 2.105.553.810 đồng. Đồng thời, xác định đến ngày 15/9/2022 còn nợ Ngân hàng TMCP Q số tiền 7.924.026.356đ (*bảy tỷ, chín trăm hai mươi bốn triệu, không trăm hai sáu ngàn, ba trăm năm sáu đồng*); trong đó, tiền gốc là 5.299.538.941 đồng, nợ lãi 870.315.010 đồng, nợ lãi quá hạn 1.754.172.405 đồng.

Đến nay cả 03 hợp đồng tín dụng nêu trên đều đã hết hạn. Nên NCB khởi kiện Công ty V yêu cầu trả tiền vay, đây quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng (vay tài sản).

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q thì thấy.

Quá trình thực hiện các Hợp đồng Công ty V đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ các Hợp đồng tín dụng đã ký với NCB kể từ ngày 25/11/2020. Hiện NCB và Công ty V đều xác định cả ba hợp đồng tín dụng trên đều đã hết hạn.

Đến ngày 15/9/2022 Công ty V và Ngân hàng xác định Công ty V còn nợ Ngân hàng TMCP Q số tiền 7.924.026.356đ (*bảy tỷ, chín trăm hai mươi bốn triệu, không trăm hai sáu ngàn, ba trăm năm sáu đồng*); trong đó, tiền gốc là 5.299.538.941 đồng, nợ lãi 870.315.010 đồng, nợ lãi quá hạn 1.754.172.405 đồng.

Do đó, Ngân hàng TMCP Q khởi kiện đề nghị Công ty TNHH xây dựng và thương mại V thanh toán số tiền 7.924.026.356đ (*bảy tỷ, chín trăm hai mươi bốn triệu, không trăm hai sáu ngàn, ba trăm năm sáu đồng*) thì Công ty V đồng ý trả nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận.

Xét hợp đồng thế chấp tài sản thì thấy:

- Để bảo đảm cho các khoản vay nêu trên, Công ty V đã ký các Hợp đồng thế chấp tài sản và thế chấp các tài sản cụ thể như sau:

STT	Hợp đồng cho vay	Hợp đồng thế chấp	Tài sản bảo đảm
-----	------------------	-------------------	-----------------

1	010/17/HĐCV-9226 ngày 03/4/2017	004/17/HĐTC/106-86 ngày 03/4/2017	<p>TS1: xe ô tô tải nhãn hiệu SHACMAN, trọng tải: 17.000 kg; số khung: HR68FX037371; số máy: 21615K067636 mang BKS số 43C-147.31 theo GCN đăng ký ô tô số 035387 do Phòng CSGT Công an Đà Nẵng cấp ngày 20/3/2017 cho Công ty V</p> <p>TS2: xe ô tô tải nhãn hiệu SHACMAN, trọng tải: 17.000 kg; số khung: HR61FX037020; số máy: 21615K069084; số máy: HR61FX037020 mang BKS số 43C-148.97 theo GCN đăng ký ô tô số 035383 do Phòng CSGT Công an Đà Nẵng cấp ngày 20/3/2017 cho Công ty V</p> <p>TS3: xe ô tô tải nhãn hiệu SHACMAN, trọng tải: 17.000 kg; số khung: HR62FX037365; số máy: 21615K069042 mang BKS số 43C-148.81 theo GCN đăng ký ô tô số 035392 do Phòng CSGT Công an Đà Nẵng cấp ngày 20/3/2017 cho Công ty V</p> <p>TS4: xe ô tô tải nhãn hiệu SHACMAN, trọng tải: 17.000 kg; số khung: HR66FX037398; số máy: 21615H050904 mang BKS số 43C-148.66 theo GCN đăng ký ô tô số 035389 do Phòng CSGT Công an Đà Nẵng cấp ngày 20/3/2017 cho Công ty V</p> <p>TS5: xe ô tô tải nhãn hiệu SHACMAN, trọng tải: 17.000 kg; số khung: HR69FX037377; số máy: 21615K067873 mang BKS số 43C-148.30 theo GCN đăng ký ô tô số 035382 do Phòng CSGT Công an Đà Nẵng cấp ngày 20/3/2017 cho Công ty V</p>
2	012/17/HĐCV-9226 ngày 16/6/2017	007/17/HĐTC-9226 ngày 16/6/2017	<p>TS6: xe ô tô tải nhãn hiệu CNHTC. Trọng tải: 16720 kg, số khung: XSA4GN127532; số máy: 160307030987 mang BKS số: 43C – 156.48 theo GCN đăng ký ô tô số 038184 do Phòng CSGT Công an Đà Nẵng cấp ngày 19/05/2017 cấp cho Công ty V</p> <p>TS7: xe ô tô tải nhãn hiệu CNHTC. Trọng tải: 16720 kg, số khung: XSA4GN127529; số máy: 160407014187 mang BKS số: 43C – 155.62 theo GCN đăng ký ô tô số 038179 do Phòng CSGT Công an Đà Nẵng cấp ngày 19/05/2017 cấp cho Công ty V</p> <p>TS8: xe ô tô tải nhãn hiệu CNHTC. Trọng tải: 16720 kg, số khung: XSA7GN127525; số máy: 160307030777 mang BKS số: 43C – 158.95 theo GCN đăng ký ô tô số 039167 do Phòng CSGT Công an Đà Nẵng cấp ngày 09/6/2017 cấp cho Công ty V</p> <p>TS9: xe ô tô tải nhãn hiệu CNHTC. Trọng tải: 16720 kg, số khung: XSA1GN127522; số máy: 160307034577 mang BKS số: 43C – 158.79 theo GCN đăng ký ô tô số 039168 do Phòng CSGT Công an Đà Nẵng cấp ngày 09/6/2017 cấp cho Công ty V</p> <p>TS10: xe ô tô tải nhãn hiệu CNHTC. Trọng tải: 16720 kg, số khung: XSAXGN127518; số máy: 160307034367 mang BKS số: 43C – 158.56 theo GCN đăng ký ô tô số 039160 do Phòng CSGT Công an Đà Nẵng cấp ngày 09/6/2017 cấp cho Công ty V</p>
3	020/18/HĐCV-9226 ngày 26/4/2018	010/18/HĐTC-9226 ngày 26/04/2018	<p>TS11: xe ô tô tải XITEC nhãn hiệu DONGFENG, dung tích: 5900 cm³; sản xuất: 2017; số khung: GLAX2B130H6289044; số máy: 903378600990 mang BKS số: 43C - 183.29 theo Giấy chứng nhận đăng ký ô tô số 053857 do Phòng CSGT Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 18/04/2018 cấp cho Công ty V</p>

Các Hợp đồng thế chấp đã được ký kết, công chứng đầy đủ và các tài sản thế chấp nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật nên phát sinh hiệu lực.

Nay, Công ty V không thanh toán nợ nên Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản đảm bảo để thanh toán nghĩa vụ trả nợ là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nếu số tiền thu được từ quá trình phát mãi tài sản bảo đảm không đủ để thu hồi nợ, Công ty V phải tiếp tục thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP Q theo các hợp đồng cho vay và các khế ước nhận nợ đã ký.

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 16/9/2022 cho đến khi Công ty V trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng:

STT	Hợp đồng tín dụng số:	Ngày giải ngân	Thời hạn vay (tháng)	Số tiền giải ngân (đồng)	Lãi suất
1	010/17/HĐCV-9226 ngày 03/4/2017	04/04/2017	60	5.000.000.000	9%/năm trong 12 tháng đầu tiên, sau đó bằng lãi suất tham chiếu + biên độ 3%/năm
2	012/17/HĐCV-9226 ngày 16/6/2017	17/6/2017	60	2.000.000.000	11.5%/năm trong 12 tháng đầu tiên, sau đó bằng lãi suất tham chiếu + biên độ 3,5%/năm
		22/06/2017	60	3.000.000.000	11.5%/năm trong 12 tháng đầu tiên, sau đó bằng lãi suất tham chiếu + biên độ 3,5%/năm
3	020/18/HĐCV-9226 ngày 26/4/2018	27/04/2018	48	350.000.000	12.5%/năm trong 03 tháng đầu, sau đó bằng lãi suất cơ sở + biên độ 3%/năm
TỔNG CỘNG				10.350.000.000	

Từ những phân tích trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q.

[2.2] Đối với ý kiến của đại diện của Công ty TNHH xây dựng và thương mại V cho rằng do doanh nghiệp đang gặp khó khăn nên đề nghị Ngân hàng TMCP Q tạo điều kiện cho Công ty TNHH xây dựng và thương mại V trả nợ và nhận lại tài sản bảo đảm theo các phương án sau:

Xin Ngân hàng TMCP Q cho Công ty TNHH xây dựng và thương mại V trả nợ theo 03 kỳ, cụ thể như sau:

- Kỳ 1: Từ ngày 01/10/2022 đến ngày 31/12/2022 trả số tiền số tiền 2.500.000.000đ (hai tỷ năm trăm triệu đồng) đến 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng) và nhận lại 04 tài sản bảo đảm.

- Kỳ 2: Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/3/2023 trả số tiền số tiền 2.500.000.000đ (hai tỷ năm trăm triệu đồng) và nhận lại 03 tài sản bảo đảm.

- Kỳ 3: Từ ngày 01/4/2023 đến ngày 30/6/2023 trả số tiền còn lại và tiền lãi phát sinh, xin nhận lại 04 tài sản bảo đảm.

Nhưng đại diện Ngân hàng TMCP Q không đồng ý mà đề nghị Công ty TNHH xây dựng và thương mại V phải thanh toán ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận ý kiến của đại diện Công ty TNHH xây dựng và thương mại V.

[3] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH xây dựng và thương mại V xin tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.550.176 đồng.

[4] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng, Công ty TNHH xây dựng và thương mại V xin tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do số tiền 3.000.000 đồng, Ngân hàng TMCP Q đã nộp và chi xong nên buộc Công ty TNHH xây dựng và thương mại V hoàn trả lại cho Ngân hàng.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đề nghị phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 280, Điều 299, Điều 301, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 147, Điều 273, 278 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q đối với Công ty TNHH xây dựng và thương mại V về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng và thương mại V phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền còn nợ phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng số 010/17/HĐCV-9226 ngày 03/4/2017, số 012/17/HĐCV-9226 ngày 16/6/2017 và số 020/18/HĐCV-9226 ngày 26/4/2018 là 7.924.026.356đ (bảy tỷ, chín trăm hai mươi bốn triệu, không trăm hai sáu ngàn, ba trăm năm sáu đồng); trong đó, tiền gốc là 5.299.538.941 đồng, nợ lãi 870.315.010 đồng, nợ lãi quá hạn 1.754.172.405 đồng, gốc lãi tạm tính đến ngày 15/9/2022.

2. Trường hợp Công ty TNHH xây dựng và thương mại V không thanh toán nợ, Ngân hàng TMCP Q được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo, gồm:

Xe ô tô tải nhãn hiệu SHACMAN, trọng tải: 17.000 kg; số khung: HR68FX037371; số máy: 21615K067636 mang BKS số 43C-147.31 theo GCN đăng ký ô tô số 035387 do Phòng CSGT Công an Đà Nẵng cấp ngày 20/3/2017 cho Công ty V;

Xe ô tô tải nhãn hiệu SHACMAN, trọng tải: 17.000 kg; số khung: HR61FX037020; số máy: 21615K069084; số máy: HR61FX037020 mang BKS số 43C-148.97 theo GCN đăng ký ô tô số 035383 do Phòng CSGT Công an Đà Nẵng cấp ngày 20/3/2017 cho Công ty V;

Xe ô tô tải nhãn hiệu SHACMAN, trọng tải: 17.000 kg; số khung: HR62FX037365; số máy: 21615K069042 mang BKS số 43C-148.81 theo GCN đăng ký ô tô số 035392 do Phòng CSGT Công an Đà Nẵng cấp ngày 20/3/2017 cho Công ty V;

Xe ô tô tải nhãn hiệu SHACMAN, trọng tải: 17.000 kg; số khung:

HR66FX037398; số máy: 21615H050904 mang BKS số 43C-148.66 theo GCN đăng ký ô tô số 035389 do Phòng CSGT Công an Đà Nẵng cấp ngày 20/3/2017 cho Công ty V;

Xe ô tô tải nhãn hiệu SHACMAN, trọng tải: 17.000 kg; số khung: HR69FX037377; số máy: 21615K067873 mang BKS số 43C-148.30 theo GCN đăng ký ô tô số 035382 do Phòng CSGT Công an Đà Nẵng cấp ngày 20/3/2017 cho Công ty V;

Xe ô tô tải nhãn hiệu CNHTC. Trọng tải: 16720 kg, số khung: XSA4GN127532; số máy: 160307030987 mang BKS số: 43C – 156.48 theo GCN đăng ký ô tô số 038184 do Phòng CSGT Công an Đà Nẵng cấp ngày 19/05/2017 cấp cho Công ty V;

Xe ô tô tải nhãn hiệu CNHTC. Trọng tải: 16720 kg, số khung: XSA4GN127529; số máy: 160407014187 mang BKS số: 43C – 155.62 theo GCN đăng ký ô tô số 038179 do Phòng CSGT Công an Đà Nẵng cấp ngày 19/05/2017 cấp cho Công ty V;

Xe ô tô tải nhãn hiệu CNHTC. Trọng tải: 16720 kg, số khung: XSA7GN127525; số máy: 160307030777 mang BKS số: 43C – 158.95 theo GCN đăng ký ô tô số 039167 do Phòng CSGT Công an Đà Nẵng cấp ngày 09/6/2017 cấp cho Công ty V;

Xe ô tô tải nhãn hiệu CNHTC. Trọng tải: 16720 kg, số khung: XSA1GN127522; số máy: 160307034577 mang BKS số: 43C – 158.79 theo GCN đăng ký ô tô số 039168 do Phòng CSGT Công an Đà Nẵng cấp ngày 09/6/2017 cấp cho Công ty V;

Xe ô tô tải nhãn hiệu CNHTC. Trọng tải: 16720 kg, số khung: XSAXGN127518; số máy: 160307034367 mang BKS số: 43C – 158.56 theo GCN đăng ký ô tô số 039160 do Phòng CSGT Công an Đà Nẵng cấp ngày 09/6/2017 cấp cho Công ty V;

Xe ô tô tải XITEC nhãn hiệu DONGFENG, dung tích: 5900 cm³; sản xuất: 2017; số khung: GLAX2B130H6289044; số máy: 903378600990 mang BKS số: 43C - 183.29 theo Giấy chứng nhận đăng ký ô tô số 053857 do Phòng CSGT Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 18/04/2018 cấp cho Công ty V

Theo các Hợp đồng thế chấp tài sản số 004/17/HĐTC/106-86 ngày 03/4/2017, số 007/17/HĐTC-9226 ngày 16/6/2017 và số 010/18/HĐTC-9226 ngày 26/04/2018 để thu hồi nợ.

Nếu số tiền thu được từ quá trình phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thu hồi nợ, thì Công ty V phải tiếp tục thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP Q theo các hợp đồng cho vay và các khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi trả xong khoản nợ.

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 16/9/2022 cho đến khi Công ty TNHH xây dựng và thương mại V trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng 010/17/HĐCV-9226 ngày 03/4/2017, số 012/17/HĐCV-9226 ngày 16/6/2017 và số 020/18/HĐCV-9226 ngày 26/4/2018.

3. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ (ba triệu đồng), Ngân hàng TMCP Q đã nộp và chi xong. Công ty TNHH xây dựng và thương mại V xin tự

nguyên chịu nên buộc Công ty TNHH xây dựng và thương mại V có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng TMCP Q.

4. Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH xây dựng và thương mại V xin tự nguyên chịu.

Buộc Công ty TNHH xây dựng và thương mại V phải chịu 115.924.026 đ (một trăm mười lăm triệu, chín trăm hai bốn ngàn, không trăm hai sáu đồng).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí 57.550.176đ (năm mươi bảy triệu, năm trăm năm mươi ngàn, một trăm bảy sáu đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004109 ngày 30/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng.

5. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q, bị đơn Công ty TNHH xây dựng và thương mại V có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thế Anh